TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố B, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Hoài T**, sinh năm 1988;
- Bà **Lê Thúy L**, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: số A ấp P xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/3/2020. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 8/2023 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông T và bà L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: ông T và bà L khai không có.

[3] Về tài sản chung: ông T và bà L khai không có.

[4] Về nợ chung: ông T và bà L khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: ông T và bà L thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: các thỏa thuận trên của ông T và bà L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L khai không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L khai không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí: lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Lê Hoài T và bà Lê Thúy L tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: XYZ ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã P, thành phố B(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như